

Bản án số: 96/2026/DS-ST

Ngày: 21 - 8 - 2026

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Huyền

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Viên

2. Bà Vũ Thị Bích Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lư Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* ông Bùi Xuân Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2026/TLST-DS ngày 11/03/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐXXST-DS ngày 14/7/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2026/QĐST-DS ngày 31/7/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần E; địa chỉ trụ sở: Tòa nhà V, phường S, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thùy L – Chuyên viên khách hàng cá nhân – Ngân hàng Thương mại cổ phần E chi nhánh Quảng Ninh; có mặt.

Địa chỉ liên hệ: một phần tầng 1 và tầng 2, toà nhà M, phường H, tỉnh Quảng Ninh. (theo văn bản ủy quyền số 19/2026/EIB-UQ ngày 7/7/2026).

- *Bị đơn:* Anh Lý Ngọc A, sinh năm: 1988 và chị Chu Ngọc A, sinh năm: 1993; cùng địa chỉ: tổ B, khu phố K, phường C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần E trình bày:

Anh Chu Ngọc A và chị Lý Ngọc A là khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần E theo các Hợp đồng tín dụng đã ký, cụ thể như sau:

1. Ngày 05/03/2025, Ngân hàng TMCP E đã ký với chị Chu Ngọc A và anh Lý Ngọc A Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023104, số tiền vay: 430.000.000 đồng (*bốn trăm ba mươi triệu đồng*); mục đích vay: mua xe ô tô Vinfast VF5.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã giải ngân và khách hàng đã nhận nợ theo 01 Khế ước nhận nợ:

*** Số 1900LDS2500000135 ngày 05/03/2025 cụ thể:**

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng).
- Thời hạn vay: 48 tháng, kể từ ngày 05/03/2025 đến ngày 05/03/2029
- Kỳ hạn trả nợ gốc: được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 8.958.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 05/04/2025, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 05/03/2029, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

- Kỳ hạn trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 05. Kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 05/04/2025, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 05/03/2029

- Thời điểm khoản vay chuyển nợ quá hạn: 06/07/2025

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng nêu trên: 01 xe ô tô Vinfast VF5 Plus kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016JKL do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A. (*Hợp đồng thế chấp PTVT số 1900HĐBĐ202511086 ngày 05/03/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐ thế chấp PTVT số 01-1900HĐBĐ202511086, đơn yêu cầu ĐKGDBĐ ngày 05/03/2025*).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A chỉ thanh toán được số tiền gốc là: 26.977.667 đồng. Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã chuyển quá hạn, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã nhiều lần làm việc với khách hàng yêu cầu trả nợ nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Tính đến ngày 20/10/2025, anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần E theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV2500023104 ngày 05/03/2025, tổng cộng **417.498.544 đồng**, cụ thể: nợ gốc: 403.022.333 đồng; lãi trong hạn 13.444.550 đồng; lãi quá hạn 827.397 đồng; lãi chậm trả: 204.264 đồng.

2. Cùng ngày 05/03/2025, Ngân hàng Thương mại cổ E đã ký với anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023099, số tiền vay: 430.000.000 đồng (*bốn trăm ba mươi triệu đồng*); mục đích vay: mua xe ô tô Vinfast VF5.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã giải ngân và khách hàng đã nhận nợ theo 01 Khế ước nhận nợ:

*** Số 1900LDS2500000136 ngày 05/03/2025 cụ thể:**

- Số tiền vay: 430.000.000 đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng).

- Thời hạn vay: 48 tháng, kể từ ngày 05/03/2025 đến ngày 05/03/2029

- Kỳ hạn trả nợ gốc: được trả thành nhiều kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng. Số tiền được trả mỗi kỳ là 8.958.000 đồng. Kỳ đầu tiên trả nợ gốc là ngày 05/04/2025, kỳ trả nợ cuối cùng là ngày 05/03/2029, vào kỳ trả nợ gốc cuối cùng khách hàng phải trả hết nợ gốc còn lại của khoản vay.

- Kỳ hạn trả nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 05. Kỳ đầu tiên trả nợ lãi là ngày 05/04/2025, kỳ trả nợ lãi cuối cùng là ngày 05/03/2029

- Thời điểm khoản vay chuyển nợ quá hạn: 06/08/2025

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng nêu trên: 01 xe ô tô Vinfast VF5 Plus kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016FGH do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A. (Hợp đồng thế chấp PTVT số 1900HĐBĐ202511087 ngày 05/03/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐ thế chấp PTVT số 01-1900HĐBĐ202511087, đơn yêu cầu ĐKGDBĐ ngày 05/03/2025).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng trên, anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A chỉ thanh toán được số tiền gốc là: 36.060.371 đồng. Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, khoản nợ đã chuyển quá hạn, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã nhiều lần làm việc với khách hàng yêu cầu trả nợ nhưng khách hàng vẫn không thanh toán nợ.

Tính đến ngày 20/10/2025, Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần E theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV2500023099 ngày 05/03/2025, tổng cộng **404.859.097 đồng**, cụ thể: nợ gốc: 393.933.629 đồng; lãi trong hạn: 10.418.281 đồng; lãi quá hạn: 405.304 đồng; lãi chậm trả: 101.883 đồng.

3. Ngày 07/03/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã ký với chị Chu Ngọc A: Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế

- Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn).

- Mục đích vay: Tiêu dùng

- Tổng số tiền quá hạn tạm tính đến ngày 20/10/2025: **24.381.593 đồng**; trong đó, nợ gốc quá hạn: 22.552.380 đồng; lãi quá hạn: 1.829.213 đồng.

4. Cùng ngày 07/03/2025, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã ký với anh Lý Ngọc A: Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế

- Hạn mức thẻ tín dụng: 40.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi triệu đồng chẵn).

- Mục đích vay: Tiêu dùng

- Tổng số tiền quá hạn tạm tính đến ngày 20/10/2025 là **24.526.930 đồng**; trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.541.606 đồng; lãi quá hạn: 1.985.324 đồng.

Do chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023104 toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/10/2025 là

417.498.544 đồng, cụ thể: nợ gốc: 403.022.333 đồng; lãi trong hạn 13.444.550 đồng; lãi quá hạn 827.397 đồng; lãi chậm trả: 204.264 đồng.

2. Buộc anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023099 toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 20/10/2025 là tổng cộng **404.859.097** đồng, cụ thể: nợ gốc: 393.933.629 đồng; lãi trong hạn: 10.418.281 đồng; lãi quá hạn: 405.304 đồng; lãi chậm trả: 101.883 đồng.

3. Yêu cầu trả tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 20/10/2025 cho đến khi anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A trả xong nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

4. Trường hợp anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần E có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp cho các hợp đồng tín dụng trên của anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A để thu hồi nợ. Theo đó tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, 5 chỗ ngồi. số khung: RLNV5JSE3SH725079; số máy: VFCAFB252250105, biển kiểm soát 14H-06UL.AS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016FGH do Phòng CS giao thông CA tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900HĐBĐ202511087 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511087 và đăng ký giao dịch bảo đảm 01 xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, số khung: RLNV5JSE5SH724516; số máy: VFCAFB252240121, biển kiểm soát 14H-0BN.HS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016JKL do Phòng CS giao thông CA tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A và Lý Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900HĐBĐ202511086 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511086 và đăng ký giao dịch bảo đảm.

5. Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm phát mại không đủ thanh toán nợ thì anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho đến khi trả nợ xong cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E.

6. Buộc chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E khoản hạn mức thẻ tín dụng số tiền quá hạn tạm tính đến ngày 20/10/2025 là 24.381.593 đồng; trong đó nợ gốc quá hạn: 22.552.380 đồng; lãi quá hạn: 1.829.213 đồng.

7. Buộc anh Lý Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E khoản hạn mức thẻ tín dụng số tiền quá hạn tạm tính đến ngày 20/10/2025 là 24.526.930 đồng; trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.541.606 đồng; lãi quá hạn: 1.985.324 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh đã tổng đạt thông báo thụ lý, các giấy triệu tập làm việc, 01 lần ban hành Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, di chuyển trực tiếp đến nơi bị đơn cư trú, 01 lần ban hành Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, yêu cầu các đương sự đưa tài sản thế chấp về trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh để Tòa án tiến hành xem xét thẩm định, nhưng bị đơn không đưa tài sản để tiến hành thẩm định cũng không cung cấp thông tin về tài sản. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành xem xét thẩm định được để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập phiên tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đề nghị đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần E có mặt tại phiên tòa trình bày: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ngoài ra bổ sung yêu cầu tuyên chấm dứt thực hiện các hợp đồng tín dụng đã ký với bị đơn; và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2026), cụ thể đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh buộc:

1. Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền nợ lãi phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023104 từ ngày 20/10/2025 đến ngày 21/8/2026 gồm lãi trong hạn: 24.991.359 đồng; lãi quá hạn: 9.393.289 đồng; lãi chậm trả lãi: 2.124.660 đồng.

2. Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền nợ lãi phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023099 tính từ ngày 20/10/2025 đến ngày 21/8/2026, gồm lãi trong hạn: 24.675.788 đồng; lãi quá hạn: 8.210.435 đồng; lãi chậm trả: 1.836.825 đồng.

3. Chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E khoản hạn mức thế tín dụng số tiền lãi quá hạn từ ngày 20/10/2025 đến 21/8/2026 là 3.011.358 đồng.

4. Anh Lý Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E khoản hạn mức thế tín dụng số tiền lãi quá hạn từ ngày 20/10/2025 đến 21/8/2026 là 2.960.430 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E gồm:

1. Buộc anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023104 toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 21/8/2026 là

453.489.415 đồng, cụ thể: nợ gốc: 403.022.333 đồng; lãi trong hạn 38.154.391 đồng; lãi quá hạn 10.030.149 đồng; lãi chậm trả: 2.282.542 đồng.

2. Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ phát sinh theo HĐTD số 1900LAV250023099 toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 21/8/2026 là tổng cộng **439.582.145** đồng, cụ thể: nợ gốc: 393.933.629 đồng; lãi trong hạn: 35.094.069 đồng; lãi quá hạn: 8.615.739 đồng; lãi chậm trả: 1.938.708 đồng.

3. Buộc chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E toàn bộ nợ gốc, lãi phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng tính đến ngày 21/8/2026 là **27.392.951** đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.552.380 đồng; lãi quá hạn: 4.840.571 đồng.

4. Buộc anh Lý Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E toàn bộ nợ gốc, lãi phát sinh theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng tính đến ngày 21/8/2026 là **27.487.360** đồng, trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.541.606 đồng; lãi quá hạn: 4.945.754 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt, quá trình thụ lý, thông báo triệu tập đều được tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng vắng mặt, chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần E khởi kiện buộc anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp, mục đích vay mua sắm xe ô tô nên xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về dân sự và quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ninh.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn trong vụ án:

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

1.3. Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, yêu cầu chấm dứt các hợp đồng tín dụng đã ký với bị đơn, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần E về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng đã ký:

Về hình thức của các Hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023104 ngày 5/03/2025; Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023099 ngày 05/03/2025 được ký giữa anh Lý Ngọc A, chị Chu Ngọc A và Ngân hàng Thương mại cổ phần E - Chi nhánh Quảng Ninh, được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng, các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần E. Do đó, Hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét việc thực hiện hợp đồng: quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân số tiền vay theo các Hợp đồng cho anh A và chị A, cụ thể:

Ngày 05/03/2025 Ngân hàng Thương mại cổ phần E giải ngân số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số **1900LDS2500000135 ngày 05/03/2025**; cùng ngày 05/03/2025 giải ngân số tiền 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo giấy khế ước nhận nợ số **1900LDS2500000136** cho anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A. Như vậy, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết với anh A, chị A.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân anh A, chị A đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo đúng cam kết đã ký trong các Hợp đồng cho vay đã ký với ngân hàng.

Về nghĩa vụ liên đới: anh A, chị A cùng ký trong thời kỳ hôn nhân là khoản vay chung của vợ chồng nên anh A, chị A có nghĩa vụ liên đới trả các khoản tiền

vay theo hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023104 và số 1900LAV250023099 cùng ngày 05/03/2025 còn nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh: trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ mà đã ký đều có thỏa thuận lãi suất của các kỳ tiếp theo được xác định theo Thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ điều chỉnh lãi suất. Căn cứ vào lãi suất áp dụng kèm theo bảng kê tính lãi mà Ngân hàng xuất trình cho Tòa án phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của Ngân hàng Thương mại cổ phần E về lãi suất cho vay với khách hàng, các thông báo về điều chỉnh lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần E - Chi nhánh Quảng Ninh do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp; phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; phù hợp với Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi suất. Như vậy, nguyên đơn đã áp dụng, điều chỉnh lãi suất đúng như trong Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/8/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh A, chị A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật”.

Đối với 02 khoản vay gồm: Khoản hạn mức thẻ tín dụng 40.000.000 đồng Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã ký với chị Chu Ngọc A và khoản hạn mức thẻ tín dụng 40.000.000 đồng Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã ký với anh Lý Ngọc A cùng ngày 07/03/2025: trên cơ sở giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế của anh A, chị A, Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã cấp hạn mức, anh A, chị A đã phát sinh hoạt động sử dụng thẻ và tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm vẫn đang nợ gốc, nợ lãi.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có trách nhiệm trả nợ gốc, nợ lãi phát sinh thẻ tín dụng. Anh A, chị A tiếp tục chịu lãi theo lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 07/3/2025.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần E về việc chấm dứt các Hợp đồng cho vay, buộc anh A, chị A phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng

và Khế ước nhận nợ kèm theo, Bảng tổng hợp tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại cổ phần E:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A tại Ngân hàng Thương mại cổ phần E, anh A, chị A, đã thế chấp các tài sản:

- Xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, 5 chỗ ngồi. số khung: RLNV5JSE3SH725079; số máy: VFCAFB252250105, biển kiểm soát 14H-06UL.AS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016FGH do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900HĐBĐ202511087 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511087 và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, số khung: RLNV5JSE5SH724516; số máy: VFCAFB252240121, biển kiểm soát 14H-0BN.HS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016JKL do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A và Lý Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900HĐBĐ202511086 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511086 và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Xét thấy: Các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E với anh A, chị A được ký kết trên cơ sở tự nguyện các bên tham gia ký hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định tại các Điều 298, 303, 317, 318, 319, 327, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp:

[3] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền này.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Anh A,

chị A phải liên đới cùng nhau chịu án phí đối phần nợ chung của hai hợp đồng tín dụng là 439.582.145 đồng + 453.489.416 đồng = 893.071.591 đồng.

Đối với phần án phí nợ khoản phát hành thẻ tín dụng: anh Lý Ngọc A, chị Chu Ngọc A chịu trách nhiệm độc lập.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 116, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 357, 398, 422, 428, 463, 466, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần E

1.1. Chấm dứt các hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần E - Chi nhánh Quảng Ninh với anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A: Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023104 ngày 5/03/2025; Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023099 ngày 5/03/2025, buộc anh A và chị A phải trả nợ cho Ngân hàng.

1.2. Buộc bị đơn là anh Lý Ngọc A, chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E tổng số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế tạm tính đến ngày 21/8/2026.

2. Cụ thể về nghĩa vụ trả nợ:

2.1. Buộc anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 21/8/2026 là **893.071.591** đồng (tám trăm chín mươi ba triệu không trăm bảy mươi một nghìn năm trăm chín mươi một đồng) gồm:

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023104 ngày 5/03/2025 là **453.489.415** đồng, cụ thể: nợ gốc: 403.022.333 đồng; lãi trong hạn 38.154.391 đồng; lãi quá hạn 10.030.149 đồng; lãi chậm trả: 2.282.542 đồng.

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1900LAV250023099 ngày 5/03/2025 là **439.582.145** đồng, cụ thể: nợ gốc: 393.933.629 đồng; lãi trong hạn: 35.094.069 đồng; lãi quá hạn: 8.615.739 đồng; lãi chậm trả: 1.938.708 đồng.

2.2. Buộc anh Lý Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E tổng số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/3/2025 tạm tính đến ngày 21/8/2026 là **27.487.360 đồng**; trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.541.606 đồng; lãi quá hạn: 4.945.754 đồng.

2.3. Buộc chị Chu Ngọc A phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần E tổng số tiền nợ thẻ tín dụng quốc tế theo Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng dịch vụ thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/3/2025 tạm tính đến ngày 21/8/2026 là **27.392.951** đồng; trong đó: nợ gốc quá hạn: 22.552.380 đồng; lãi quá hạn: 4.840.571 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, anh Lý Ngọc A, chị Chu Ngọc A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, hợp đồng dịch vụ thẻ đã ký cho đến khi thi hành án xong nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần E có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm gồm:

- Xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, 5 chỗ ngồi. số khung: RLNV5JSE3SH725079; số máy: VFCAFB252250105, biển kiểm soát 14H-06UL.AS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016FGH do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1900HĐBĐ202511087 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511087 và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Xe ô tô con nhãn hiệu Vinfast, số loại VF PLUS S5EJ01, màu sơn: trắng VF5 Plus, số khung: RLNV5JSE5SH724516; số máy: VFCAFB252240121, biển kiểm soát 14H-0BN.HS kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14016JKL do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/03/2025 mang tên Chu Ngọc A và Lý Ngọc A theo hợp đồng thế chấp tài sản số

1900HĐBĐ202511086 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01-1900HĐBĐ202511086 và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng Thương mại cổ phần E đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng Thương mại cổ phần E có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lý Ngọc A và chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ liên đới nộp **38.792.148 đồng** (ba mươi tám triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn một trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lý Ngọc A có nghĩa vụ phải nộp **1.374.368 đồng** (một triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn ba trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Chu Ngọc A có nghĩa vụ phải nộp **1.369.648 đồng** (một triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền 19.068.992 đồng (mười chín triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm chín mươi hai đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001001 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – QN;
- Phòng THADS kv1 - QN;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Huyền